ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2281 /QĐ-UBND	*Tuyên Quang, ngày 16 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 6050/2026/VBHN-NĐ-BTP);

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 838/TTr-SNNMT ngày 13 tháng 9 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 thủ tục hành chính mới ban hành trong Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang *(Có Danh mục, nội dung và quy trình giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).*

Điều 2. Quy định chuyển tiếp và xử lý các thủ tục hành chính có liên quan

1. Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất sử dụng nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 được kéo dài thời gian thực hiện theo Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội, thực hiện quy định chuyển tiếp tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026; trong thời gian này, việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo các thủ tục hành chính mã 1.014472, 1.014473 và 1.014474 được công bố tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 và quy trình giải quyết tương ứng được phê duyệt tại Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, bãi bỏ các thủ tục hành chính mã 1.014472, 1.014473 và 1.014474 được công bố tại Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chấm dứt áp dụng các quy trình giải quyết thủ tục hành chính tương ứng được tái cấu trúc trên cơ sở dữ liệu và phê duyệt tại Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC, PS.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Anh Tuấn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2281/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Phần I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	MÃ TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
A	**TTHC CẤP TỈNH, CẤP XÃ**	
1	1.014736	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
B	**TTHC CẤP XÃ**	
2	1.014737	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng

Phần II.
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Cấp thực hiện: Cấp tỉnh, cấp xã.

b) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan.

- *Bước 2:* Chủ trì liên kết xây dựng hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ theo quy định phân cấp phê duyệt lựa chọn dự án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Bước 3:* Cơ quan được giao thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trình cấp có thẩm quyền thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị dự án liên kết theo quy định phân cấp phê duyệt lựa chọn dự án của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Bước 4:* Cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất công khai kết quả đánh giá của Hội đồng tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin của cơ quan quản lý dự án hoặc trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án do cấp tỉnh quản lý), trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do cấp xã quản lý).

- *Bước 5:* Căn cứ báo cáo đánh giá của Hội đồng lựa chọn dự án, hồ sơ đề xuất của cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, Lãnh đạo sở ngành cấp tỉnh phê duyệt dự án cấp tỉnh quản lý; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án cấp xã quản lý.

c) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

d) Thành phần hồ sơ:

Theo các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 04.

- Nội dung dự án theo Mẫu số 05.

- Bản thỏa thuận của đơn vị làm chủ trì liên kết theo Mẫu số 06.

- Cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ; bản sao hợp đồng liên kết có chứng thực; văn bản khác (nếu có).

đ) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

e) Thời hạn giải quyết:

Thời gian cụ thể giải quyết TTHC được xác định tại Kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất của từng cơ quan theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó:

- Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất dự án: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Thời gian công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án được thực hiện như sau:

+ Công khai kết quả đánh giá của Hội đồng tại trụ sở làm việc và trên trang thông tin của cơ quan quản lý dự án hoặc trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án do cấp tỉnh quản lý), trang thông tin của Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với dự án do cấp xã quản lý) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Hội đồng.

+ Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của chủ trì liên kết, cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chủ trì liên kết trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kiến nghị của chủ trì liên kết.

+ Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn từng dự án.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ trì liên kết (bao gồm: doanh nghiệp hoặc hợp tác xã hoặc liên hiệp hợp tác xã).

h) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan chuyên môn thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh (gồm: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Dân tộc và Tôn giáo) phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý có phạm vi hoạt động sản xuất trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên.

- Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị có phạm vi hoạt động sản xuất trên địa bàn quản lý.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

k) Phí, lệ phí: Không.

l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; thuyết minh nội dung dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết tương ứng Mẫu số 04, Mẫu số 05, Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

- Chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

- Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho từng loại dự án phát triển sản xuất của từng ngành nghề, lĩnh vực quản lý theo quy định chuyên ngành.

- Dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định số 94/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

- Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Mẫu số 04

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*....., ngày.....tháng.....năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về việc hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Kính gửi: .....[(1)]

Tên chủ trì liên kết đề xuất dự án: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Giấy đăng ký kinh doanh Số/Quyết định thành lập ..... ngày cấp .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email: .....

Căn cứ Chương trình mục tiêu quốc gia ....., (tên chủ trì liên kết đề xuất dự án) đề nghị ..... [(1)] :

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm, dịch vụ: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô dự án: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ: .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

III. CAM KẾT: ..... (tên chủ trì liên kết đề xuất dự án) cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Bảo đảm đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): .....

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu:....

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan trực thuộc thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

Mẫu số 05

TÊN CHỦ TRÌ LIÊN KẾT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ..... tháng ..... năm ...

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

Tên dự án.....

Phần I
GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

1. Thông tin chung về chủ trì liên kết

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Thông tin chứng minh năng lực của chủ trì liên kết

3. Mức đóng góp vốn đối ứng của chủ trì liên kết

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN KẾT

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp.....

Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết

(Kèm theo biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và đơn vị tham gia liên kết).

3. Đơn vị liên kết thứ...: (Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên).

4. Số lượng người dân, hộ gia đình là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia tham gia dự án, liên kết

(Kèm theo danh sách ký xác nhận hoặc biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết).

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II
NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung

2. Mục tiêu cụ thể

3. Thời gian triển khai

4. Địa điểm, quy mô

II. NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động

(Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo từng năm kế hoạch; các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; ...)

2. Tổng chi phí thực hiện dự án liên kết

Làm rõ tổng mức kinh phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết hoặc phần đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án liên kết

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Đề xuất chi tiết nội dung, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần III
CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN
CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Ngày ... tháng ... năm ... , tại ....., ... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... .Email: .....

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... .Email: .....

3. Đơn vị liên kết thứ ... :

(Thông tin cần làm rõ tương tự các đơn vị trên)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết (hay còn gọi là chủ đầu tư dự án liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Tên và thông tin đơn vị được cử

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết
2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết
3. Quy mô liên kết
4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch
2. Số vốn đề nghị hỗ trợ
3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết

(Bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành .....bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ ..... bản, chủ trì liên kết giữ ..... bản.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

2. Tên thủ tục: Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng

a) Cấp thực hiện: Cấp xã.

b) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, trên trang điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của phòng, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- *Bước 2:* Tổ, nhóm cộng đồng xây dựng hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất của cộng đồng và cử đại diện nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- *Bước 3:* Phòng chuyên môn trực thuộc cấp xã được giao thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trình Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Tổ đánh giá hồ sơ đề nghị dự án.

- *Bước 4:* Cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất công khai kết quả lựa chọn của Tổ đánh giá tại trụ sở làm việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Tổ.

- *Bước 5:* Căn cứ ý kiến của Tổ đánh giá dự án, đề xuất của cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt lựa chọn dự án phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

c) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Nộp trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ Công Quốc gia theo địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

d) Thành phần hồ sơ:

Theo các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 07;

- Nội dung dự án theo Mẫu số 08;

- Biên bản họp dân và các tài liệu khác (nếu có).

đ) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

e) Thời hạn giải quyết:

Thời gian cụ thể giải quyết thủ tục hành chính được xác định tại Kế hoạch thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất của phòng chuyên môn cấp xã theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó:

- Thời gian đánh giá hồ sơ đề xuất dự án: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thời gian công khai thông tin và hoàn thiện hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án được thực hiện như sau:

+ Công khai kết quả lựa chọn của Tổ đánh giá tại trụ sở làm việc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có báo cáo đánh giá của Tổ.

+ Trong thời hạn công khai thông tin, nếu nhận được kiến nghị của tổ, nhóm hộ, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất phải có văn bản trả lời chậm nhất không quá 05 ngày làm việc.

+ Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày công khai thông tin, cơ quan được giao thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn dự án.

g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ, nhóm cộng đồng.

h) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã quyết định.

i) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng.

k) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

l) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị về việc hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất của cộng đồng; thuyết minh nội dung dự án phát triển sản xuất của cộng đồng tương ứng Mẫu số 07, Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho từng loại dự án phát triển sản xuất của từng ngành nghề, lĩnh vực quản lý theo quy định của chủ chương trình.

- Dự án phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm thực hiện các dự án hoặc hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn.

- Hộ gia đình tham gia dự án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết bảo đảm phần đối ứng thực hiện dự án.

n) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quyết định số 94/QĐ-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

- Quyết định số 114/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về phân cấp thẩm quyền phê duyệt, quản lý dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; quy định cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cách thức nộp hồ sơ đề nghị dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất của cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng .... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về việc hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất cộng đồng

Kính gửi: .....[(1)]

Tên đại diện cộng đồng dân cư: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Căn cứ thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất của .....[(1)] , tôi đại diện cho nhóm cộng đồng (nêu tên thành viên của nhóm) đề nghị .....[(1)] hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô dự án: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

5. Nội dung đề nghị hỗ trợ

Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ; mức hỗ trợ theo từng nội dung cụ thể (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ theo từng nội dung đó)

Đề nghị hỗ trợ chi tiết các năm thực hiện dự án (nếu hỗ trợ trong nhiều năm).

6. Cam kết của nhóm cộng đồng

Chúng tôi gồm (tên cụ thể của đại diện nhóm cộng đồng và các thành viên) cam kết:

Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

Bảo đảm đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

7. Tài liệu kèm theo (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm).

ĐẠI DIỆN NHÓM CỘNG ĐỒNG
(Ký, ghi họ tên)

THÀNH VIÊN THAM GIA

THÀNH VIÊN THỨ NHẤT	**THÀNH VIÊN THỨ HAI**	**THÀNH VIÊN THỨ .....**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: (1) Tên Phòng chuyên môn trực thuộc cấp xã thông báo kế hoạch thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỦA CỘNG ĐỒNG

Tên dự án: .....

I. THÔNG TIN VỀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

1. Đại diện nhóm hộ, tổ hợp tác (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Danh sách các thành viên tham gia (gồm: họ tên, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo): .....

2. Thời gian triển khai: .....

3. Địa bàn thực hiện: .....

III. NỘI DUNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỦA CỘNG ĐỒNG

1. Các hoạt động của dự án: .....

(Mô tả chi tiết nội dung của dự án)

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

IV. NGUỒN LỰC VÀ DỰ TOÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tổng nguồn lực thực hiện dự án (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)).

2. Dự toán kinh phí thực hiện dự án chi tiết theo từng hoạt động của dự án

(Kèm theo phụ lục thuyết minh chi tiết các tính toán, xác định dự toán, dự kiến nguồn vốn bố trí (ví dụ: vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, vốn vay tín dụng, vốn tự có).

V. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẦU RA

Mô tả chi tiết dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án.

VI. PHƯƠNG ÁN TIÊU THỤ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Mô tả chi tiết kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN THAM GIA VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM

1. Mô tả trách nhiệm của cơ quan, đơn vị; cộng đồng dân cư (chi tiết trách nhiệm từng thành viên tham gia).

2. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có).

VIII. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Mô tả chi tiết kế hoạch tổ chức thực hiện dự án.

IX. CÁC NỘI DUNG KHÁC

Mô tả chi tiết các nội dung liên quan khác (nếu có)

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký, ghi rõ họ tên)

THÀNH VIÊN THỨ NHẤT	**THÀNH VIÊN THỨ HAI**	**THÀNH VIÊN THỨ .....**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phần III.
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC

1. TTHC áp dụng quy trình 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.014736	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

*** Quy trình cấp tỉnh:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	¼ ngày làm việc	
Bước 2	Thẩm định hồ sơ, tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá dự án; tổ chức đánh giá hồ sơ dự án.	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quản lý dự án	14,5 ngày làm việc	Hội đồng đánh giá; các cơ quan, đơn vị có liên quan
Bước 3	Công khai kết quả đánh giá theo quy định; tiếp nhận, tổng hợp và xử lý kiến nghị (nếu có).	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quản lý dự án	05 ngày làm việc *(Không tính trong thời hạn giải quyết)*	
Bước 4	Xem xét, phê duyệt Quyết định	Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh được giao quản lý dự án	10 ngày làm việc	
Bước 5	Trả kết quả, thông báo cho cá nhân, tổ	CCVC trực Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ	¼ ngày làm việc	

	chức đến nhận trả kết quả TTHC	hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		

*** Quy trình cấp xã:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	¼ ngày làm việc	
Bước 2	Thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, gửi văn bản tới tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị trình Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt dự án	Công chức, lãnh đạo phòng chuyên môn được phân công thuộc UBND cấp xã	14,5 ngày làm việc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan
Bước 3	- Xem xét, phê duyệt Quyết định. - Chuyển kết quả TTHC đến Bộ phận Một cửa.	Lãnh đạo UBND cấp xã; Văn thư	10 ngày làm việc	
Bước 4	Trả kết quả, thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC	CCVC trực Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	¼ ngày làm việc	

2. TTHC áp dụng quy trình 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC
1	1.014737	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng

*** Nội dung quy trình:**

Thứ tự công việc	Nội dung công việc cụ thể	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày/giờ)	Cơ quan phối hợp (nếu có)
Bước 1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, gửi giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	CCVC trực Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	¼ ngày làm việc	
Bước 2	Thành lập Tổ đánh giá hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, gửi văn bản tới tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Phòng chuyên môn được phân công trình Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt dự án	Công chức, lãnh đạo phòng chuyên môn được phân công thuộc UBND xã, phường	19,5 ngày làm việc	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan
Bước 3	- Xem xét, phê duyệt Quyết định. - Chuyển kết quả TTHC đến Bộ phận Một cửa.	Chủ tịch UBND cấp xã; Văn thư	10 ngày làm việc	
Bước 4	Trả kết quả, thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận trả kết quả TTHC	CCVC trực Bộ phận Một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	¼ ngày làm việc	